

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các văn bản sau:

a) Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

c) Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

d) Điều 22 Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký:

Đặng Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước

và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Quy định này không áp dụng đối với các hệ thống sông, kênh, mương được sử dụng cho mục đích thủy lợi, sản xuất nông nghiệp hoặc giao thông đường thủy.

3. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và đấu nối hệ thống thoát nước dọc theo các tuyến đường nằm ngoài phạm vi đô thị được thực hiện theo quy định của Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Tại Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi khu vực đô thị là toàn bộ địa giới hành chính của các phường, khu vực thuộc địa giới hành chính của xã đã được cấp thẩm quyền phân loại và công nhận là đô thị, khu vực khác thuộc địa giới hành chính của xã được xác định chức năng đô thị trong các đồ án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạm vi khu dân cư nông thôn tập trung là ranh giới khu dân cư nông thôn được xác định trong đồ án quy hoạch nông thôn của xã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung bao gồm: Hệ thống thoát nước mưa và

hệ thống thoát nước thải và dẫn xả thải sau xử lý, phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 86, Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Thành phần hệ thống thoát nước bao gồm:

a) Mạng lưới đường ống, cống hay kênh mương thu gom, dẫn và vận chuyển nước mưa.

b) Mạng lưới đường ống, cống hay kênh mương thu gom, dẫn và vận chuyển nước thải.

c) Điểm đầu nối mà các hộ thoát nước xả nước vào hệ thống thoát nước công cộng, bao gồm các hố kiểm tra và ống đầu nối đến cống thoát nước.

d) Hố ga, cửa thu nước lề đường, giếng tách nước mưa và nước thải, cống bao, cống áp lực, cống (đập, van) ngăn triều, cửa xả.

đ) Các trạm bơm nước thải, nước mưa và các cống liên quan đến trạm bơm.

e) Hồ điều hòa, công trình trữ nước ngầm.

g) Nhà máy xử lý nước thải tập trung và trạm xử lý nước thải phi tập trung.

h) Công trình xử lý bùn thải, bùn bể tự hoại, bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước.

3. Hệ thống thoát nước phải đảm bảo các chức năng:

a) Thu gom nước mưa trên toàn diện tích các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung, chứa, dẫn nước mưa về nguồn tiếp nhận (sông, rạch, kênh, mương, hồ) không để ngập úng trên đường giao thông, khu dân cư sinh sống, khu sản xuất và các công trình công cộng.

b) Thu gom nước thải từ nơi phát sinh, dẫn, chuyển tải nước thải đến các công trình xử lý, cửa xả, nguồn tiếp nhận.

c) Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận hoặc tái sử dụng theo quy định.

4. Phân loại hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước được chia làm hệ thống thoát nước chung, hệ thống thoát nước riêng và hệ thống thoát nước nửa riêng theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

5. Lựa chọn loại hệ thống thoát nước

Lựa chọn hệ thống thoát nước (chung, riêng, nửa riêng) tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh phải căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, công nghệ xử lý,

hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường cụ thể của từng khu vực, đảm bảo các quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và môi trường:

a) Đối với các khu vực đô thị, dân cư nông thôn tập trung được đầu tư xây dựng mới, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp bắt buộc đầu tư hệ thống thoát nước riêng.

b) Đối với các khu vực đô thị hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung phải quy hoạch hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật của đô thị, ưu tiên lựa chọn hệ thống thoát nước nửa riêng.

c) Đối với các trường hợp còn lại thì tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi địa phương tổ chức lựa chọn loại hệ thống thoát nước phù hợp.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 5. Chủ sở hữu công trình thoát nước và xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nhận bàn giao từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) làm chủ sở hữu đối với công trình thoát nước và xử lý nước thải do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu quy định tại khoản 1 Điều này có phạm vi phục vụ nằm trọn trong địa giới hành chính của một đơn vị hành chính cấp xã.

3. Đối với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải có phạm vi phục vụ và đặc điểm kỹ thuật (lưu vực thoát nước, công trình xử lý, nguồn tiếp nhận) nằm trên phạm vi của hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ sở hữu từng trường hợp.

4. Đối với hệ thống thoát nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ sở hữu từng trường hợp.

5. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước và xử lý nước thải do mình bỏ vốn đầu tư cho đến khi bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 6. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Các dự án, công trình thoát nước phải được thẩm định, phê duyệt trên cơ sở quy hoạch xây dựng, kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các đồ án quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, công trình ngầm, cây xanh cần đảm bảo sự đồng bộ với hệ thống thoát nước trong khu vực.

3. Khi thực hiện cải tạo, mở rộng hoặc xây mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông liên quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư phải xây dựng phương án bảo đảm an toàn cho hạ tầng kỹ thuật hiện hữu, bảo đảm quá trình thoát nước thông suốt, đồng thời thực hiện việc cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước liên quan. Chủ đầu tư phải đảm bảo vệ sinh môi trường trước, trong và sau khi thi công, vệ sinh và thông hút cống trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 7. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Thực hiện theo quy định từ Điều 11 đến Điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 22 Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và các quy định như sau:

1. Khi triển khai dự án đầu tư xây dựng mới, cần bảo đảm không ảnh hưởng đến khả năng thoát nước hiện hữu tại các khu vực lân cận, đồng thời xem xét năng lực thoát nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Trường hợp có dòng chảy tự nhiên đi qua phạm vi dự án, chủ đầu tư phải đảm bảo tính liên tục của dòng chảy và năng lực cấp, thoát nước của dòng chảy.

2. Tùy vào đặc điểm và quy mô, đơn vị chủ đầu tư khi lập dự án xây dựng hoặc cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cần:

a) Điều tra, khảo sát cộng đồng về mức sống, sẵn sàng đầu nối và chi trả dịch vụ; cung cấp thông tin dự án, chất lượng dịch vụ, lấy ý kiến và tạo điều kiện thuận lợi để người dân giám sát thực hiện.

b) Lựa chọn công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường và phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

c) Đảm bảo dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thực hiện đồng bộ các mạng lưới công và đầu nối; nếu phân kỳ đầu tư vẫn đảm bảo tính đồng bộ, kể cả công tác xử lý bùn thải.

Điều 8. Bàn giao công trình thoát nước, công trình xử lý nước thải đưa vào khai thác

1. Công trình thoát nước khi đưa vào quản lý, vận hành và khai thác phải được nghiệm thu hoàn thành theo quy định, đồng thời chủ sở hữu hệ thống thoát nước cần thực hiện kiểm tra và xác nhận bằng văn bản công trình không có vật cản gây tắc dòng chảy, đáp ứng điều kiện để vận hành và khai thác sử dụng.

2. Khi bàn giao toàn bộ hoặc một phần công trình thoát nước, chủ đầu tư phải chuyển giao cho đơn vị chủ sở hữu tất cả hồ sơ liên quan đến công trình, bao gồm bản vẽ hoàn công, hồ sơ pháp lý, tài liệu về quản lý chất lượng, quy trình quản lý vận hành và bảo trì công trình theo quy định, cùng với tập tin ghi nội dung của các hồ sơ này.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 9. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Nội dung cơ bản, thời hạn hợp đồng và các nội dung liên quan đến hợp đồng quản lý, vận hành thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 10. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

Hợp đồng dịch vụ thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 11. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước

1. Đơn vị thoát nước tự xây dựng hoặc chọn tiêu chuẩn dịch vụ phù hợp để quản lý hệ thống thoát nước.

2. Tiêu chuẩn dịch vụ là phần bắt buộc của hợp đồng quản lý, vận hành; phải được chủ sở hữu hệ thống thoát nước phê duyệt sau khi có ý kiến góp ý về chuyên môn của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 12. Ngừng dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 13. Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước và bể tự hoại

1. Bùn thải từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ bể tự hoại được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn và các quy định tại Điều 25 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

2. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Điều 14. Xử lý nước thải tập trung

1. Tại các khu vực chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước tập trung, hệ thống thoát nước phải có các giải pháp xử lý nước thải tập trung và thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Các giải pháp xử lý nước thải tập trung được xác định, xem xét chấp thuận trong quá trình hệ thống thoát nước tổ chức thực hiện quy trình đầu tư xây dựng công trình.

Điều 15. Quản lý cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn về quản lý, khai thác, sử dụng cũng như cung cấp các thông tin liên quan đến cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ sở hữu công trình thoát nước:

a) Có nghĩa vụ tập hợp, sắp xếp, xây dựng và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước (bao gồm số hóa bản đồ hệ thống), đảm bảo khả năng truy cập, quản lý, khai thác, cung cấp thông tin phục vụ công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý vận hành hệ thống và thỏa thuận đấu nối thoát nước.

b) Cung cấp miễn phí thông tin về cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước thuộc quyền sở hữu cho các hộ thoát nước, chủ đầu tư khi có yêu cầu.

c) Thường xuyên rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước mới sau khi hoàn thành và báo cáo cho Sở Xây dựng để tổng hợp.

3. Chủ đầu tư các công trình xây dựng với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ hoàn thành công trình; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy trình bảo trì công trình ngay sau khi công trình/hạng mục được nghiệm thu, đưa vào sử dụng cho chủ sở hữu công trình thoát nước làm căn cứ quản lý.

Chương IV**QUY ĐỊNH ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC****Điều 16. Các yêu cầu về đấu nối hệ thống thoát nước**

1. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

2. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, công thu gom nước mưa, nước thải có trách nhiệm phải đầu tư đường ống thoát nước

trong phạm vi khuôn viên của mình và thực hiện đấu nối theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP trừ những trường hợp được miễn trừ đấu nối theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy định này.

3. Khi hệ thống thoát nước của khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hoặc khu dân cư nông thôn tập trung được đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị, các đối tượng này được xem là một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và tuân thủ các quy định liên quan đến đấu nối hệ thống thoát nước.

4. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đấu nối vào hệ thống thoát nước sau khi có thỏa thuận đấu nối với đơn vị quản lý thoát nước.

5. Thiết kế, xây dựng, sửa chữa hộp đấu nối và việc thi công đấu nối do đơn vị quản lý thoát nước thực hiện hoặc do hộ thoát nước tổ chức dưới sự giám sát của đơn vị quản lý thoát nước, đảm bảo tuân thủ đúng quy định thiết kế; việc nghiệm thu thi công đấu nối phải được lập thành biên bản sau khi hoàn thành.

Điều 17. Điểm đấu nối, cao độ của điểm đấu nối

1. Điểm đấu nối

- a) Mỗi hộ thoát nước được bố trí ít nhất 01 điểm đấu nối.
- b) Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo kiên cố, ổn định, chống thấm, chống rò rỉ ra ngoài môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng và quy định pháp luật.
- c) Ống đấu nối thoát nước được đấu nối phù hợp với cấu tạo, kích thước, chất lượng đảm bảo theo quy định.

2. Cao độ điểm đấu nối phải được thiết kế phù hợp với cao độ sân, nền hoàn thiện của công trình, dự án hoặc nhà ở của các hộ thoát nước để đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào khu vực này. Các hộ thoát nước chịu trách nhiệm tự chi trả kinh phí thực hiện những biện pháp bảo vệ cần thiết nhằm ngăn chặn hiện tượng chảy ngược từ hệ thống thoát nước chung vào công trình, dự án hoặc nhà ở của mình.

Điều 18. Hộp đấu nối và nghĩa vụ tài chính thực hiện đấu nối

1. Hộp đấu nối được xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và tiến hành đồng thời với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây mới hệ thống thoát nước. Việc thi công và lắp đặt hộp đấu nối phải đảm bảo chất lượng, ổn định lâu dài, thuận lợi cho hoạt động đấu nối, giao thông, kiểm tra, giám sát, duy trì, xử lý sự cố; sửa chữa rò rỉ nước thải của đơn vị thoát nước.

2. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng, lắp đặt đường ống và tuyến công dẫn nước từ khuôn viên đất của mình vào hộp đấu nối. Các hộ thoát nước lân cận có thể cùng đấu nối vào một hộp đấu nối nếu đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật và được đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước chấp thuận.

3. Đơn vị thoát nước thực hiện hoặc giám sát việc thi công đấu nối tại hộp đấu nối, kinh phí do hộ thoát nước chi trả.

4. Hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Thỏa thuận đấu nối và miễn trừ đấu nối

1. Thỏa thuận đấu nối bao gồm các nội dung theo khoản 1 Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Thỏa thuận đấu nối là cơ sở để hộ thoát nước thực hiện đấu nối vào hệ thống thoát nước công cộng.

2. Các trường hợp được miễn đấu nối vào hệ thống thoát nước, gồm:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường (có Giấy phép môi trường hoặc Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý về môi trường theo thẩm quyền) và việc đấu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước. Việc miễn trừ đấu nối trong trường hợp này phải được chủ sở hữu hệ thống thoát nước chấp thuận.

b) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

3. Thỏa thuận đấu nối và miễn trừ đấu nối đối với hệ thống thoát nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tuân thủ theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 tháng 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 20. Thời điểm đấu nối

1. Tại các khu vực triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung, các hộ thoát nước nằm trong phạm vi cung cấp dịch vụ có trách nhiệm đề xuất thỏa thuận đấu nối trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày mạng lưới đường ống thu gom nước thải được đưa vào vận hành.

2. Đơn vị thoát nước chịu trách nhiệm thiết lập các điểm đấu nối cho các hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống sau khi hoàn tất thủ tục thỏa thuận đấu nối.

3. Khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mới hoặc mở rộng phạm vi bao phủ dịch vụ đối với hệ thống hiện hữu:

a) Chủ sở hữu công trình thoát nước ban hành quyết định về việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống tập trung thuộc phạm vi dự án.

b) Quyết định về đấu nối phải bao gồm quyền, nghĩa vụ các bên liên quan; xác định khu vực dịch vụ đấu nối và quy định rõ thời hạn thực hiện đấu nối.

c) Nội dung quyết định về đầu nổi được thông báo công khai đến cộng đồng dân cư trong phạm vi dự án.

4. Trước thời điểm bắt buộc đầu nổi nếu hộ thoát nước có nhu cầu đầu nổi thì liên hệ với đơn vị thoát nước để thực hiện đầu nổi.

Điều 21. Điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải

1. Điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải vào hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 86 và Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. Việc quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 57, Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 22. Xác định khối lượng nước thải

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính theo điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nổi được lấy bằng 8 m³/hộ/tháng.

2. Đối với các loại nước thải khác, thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 23. Phương thức thu và quản lý tiền sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải hàng tháng

1. Phương thức thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải hàng tháng:

a) Đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước hàng tháng. Riêng các hộ thoát nước thuộc khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, việc tổ chức thu do đơn vị thoát nước đảm nhận.

b) Đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan phê duyệt phương án tổ chức thu tiền sử dụng dịch vụ hàng tháng trên cơ sở đề nghị của đơn vị thoát nước.

c) Đơn vị thu hộ giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải được giữ lại tám phần trăm (8%) tổng số tiền phí thu được để chi trả cho hoạt động thu phí. Nếu cần thiết, khi phê duyệt phương án giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải, Ủy ban

nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ cụ thể thông qua dự toán, nhưng không vượt quá 8%.

2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải hàng tháng:

a) Tiền thu từ dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải đô thị hàng tháng được nộp vào ngân sách Nhà nước để sử dụng cho các mục đích như sau:

Chi trả cho đơn vị thoát nước (hoặc đơn vị thu hộ) để tổ chức thu hộ giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải đô thị hàng tháng.

Thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

Chi trả cho công tác tổ chức lấy mẫu, phân tích xác định hàm lượng COD và các chỉ tiêu khác của nước thải.

Thanh toán hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa đơn vị thoát nước và chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước; chi phí thẩm định (nếu có).

Sau khi đã chi trả toàn bộ các khoản chi phí trên, phần tiền thu còn lại từ giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải hàng tháng (nếu có), đại diện chủ sở hữu được phép sử dụng để đầu tư, phát triển, duy trì hệ thống thoát nước.

b) Đại diện chủ sở hữu, đơn vị thoát nước (hoặc đơn vị thu hộ) có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu (thông qua Sở Tài chính) theo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải đô thị.

c) Khi Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng hướng dẫn cụ thể, việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải hàng tháng (kể cả chi phí để chi trả cho công tác tổ chức thu hộ) sẽ thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng.

Chương V

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 24. Sở Xây dựng

1. Là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định 140/2025/NĐ-CP.

4. Hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dịch vụ thoát nước; tổ chức thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước theo phân cấp.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải lập phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

6. Hướng dẫn các cơ quan quản lý chuyên môn về xây dựng khi thẩm định cấp phép xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ quy định về cao độ xây dựng, yêu cầu đấu nối thoát nước trên cơ sở căn cứ vào các đề án quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý kiến trúc hiện hành.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

8. Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất cho Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

Điều 25. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Thực hiện công tác kiểm soát nguồn ô nhiễm, kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quan trắc, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý của các hệ thống thoát nước tập trung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; giám sát chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp quản lý bùn thải từ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

5. Quản lý việc xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong việc quản lý, bảo vệ và chống ô nhiễm nguồn nước dùng cho sinh hoạt.

6. Phối hợp quản lý, khai thác có hiệu quả, đồng bộ các công trình thủy lợi; rà soát, kiểm tra việc đảm bảo an toàn và bảo vệ các công trình thủy lợi; kiểm tra theo đúng giấy phép xả thải được cơ quan có thẩm quyền cấp.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra (định kỳ hoặc đột xuất) và xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 26. Sở Tài chính

1. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí hàng năm cho công tác đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thoát nước và xử lý nước thải sử dụng vốn đầu tư công.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước đã được phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc giao cơ quan phụ trách chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung được tổ chức quản lý, vận hành bằng nguồn vốn ngân sách.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và ban hành danh mục các dự án thoát nước và xử lý nước thải kêu gọi đầu tư theo các hình thức khác nhau.

8. Chủ trì, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 27. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp đặt hàng và đề xuất danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh, cấp Nhà nước phục vụ hiệu quả các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ các dự án đầu tư về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng và các chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 28. Ban Quản lý khu kinh tế

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý thoát nước và xử lý nước thải theo nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về thoát nước, xử lý nước thải và chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động về thoát nước và xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trong phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong phạm vi quản lý.

4. Khi thẩm định cấp phép xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ quy định về cao độ xây dựng, yêu cầu đầu nổi thoát nước trên cơ sở căn cứ vào các đồ án quy hoạch được duyệt và các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 29. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác

Các sở, ban, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Điều 30. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu theo đúng nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về thoát nước, xử lý nước thải và chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động về thoát nước và xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn.

3. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

4. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn; thiết lập cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước do mình làm đại diện chủ sở hữu.

5. Khi thẩm định cấp phép xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ quy định về cao độ xây dựng, yêu cầu đầu nổi thoát nước trên cơ sở căn cứ vào các đồ án quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý kiến trúc hiện hành.

6. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình trên địa bàn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

7. Thường xuyên kiểm tra, xử lý kịp thời khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định pháp luật.

8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện đầu nổi thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước, xử lý nước thải, bảo vệ công trình thoát nước.

Điều 31. Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Quản lý tài sản hệ thống thoát nước (gồm thu thập thông tin, số liệu và xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước do mình quản lý) và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước trong ngắn hạn và dài hạn.

2. Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị thoát nước.

3. Tổ chức xây dựng quy chế phối hợp, giám sát, nghiệm thu và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

4. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải đến hộp đầu nổi hệ thoát nước.

5. Ban hành, đề xuất, kiến nghị các giải pháp, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy đầu nổi vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình quản lý.

6. Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tổ chức các chương trình thông tin - giáo dục - truyền thông về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước trên địa bàn.

7. Cung cấp thông tin về cao độ nền khu vực thoát nước cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước đồng bộ, không ngập úng.

8. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi hệ thống thoát nước do mình quản lý. Báo cáo về Sở Xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, vận hành hệ thống thoát nước định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 32. Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 6 và Điều 18 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2021/TT-BXD.

2. Thực hiện trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nổi, hố ga và tuyến công để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới; Kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới; Thực hiện quan trắc chất lượng nước trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa đúng quy định. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền nếu có các vi phạm, hạn chế.

c) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

d) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

đ) Xây dựng quy trình vận hành, bảo trì, bảo vệ hồ điều hòa, trạm bơm, hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa.

e) Vận hành các công trình thoát nước qua hệ thống công trình thủy lợi, đê điều (cống qua đê, đường ống, trạm bơm) phải tuân theo quy định pháp luật về thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai.

g) Thiết lập kênh tiếp nhận và xử lý nhanh các phản ánh về sự cố liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

h) Thực hiện bảo vệ, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các trường hợp vi phạm về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

Điều 33. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước:

Thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đầu nổi và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.

b) Thông báo thời điểm thi công đầu nổi để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đầu nổi đúng quy định.

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.